TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Phạm Thị Kim Thảo

+ Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn + Nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ph T Th H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 20, ấp VL, xã VB, CT,AG Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Tr T D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 08, ấp VL, VB, CT, AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Ph T Th H

- Về hôn nhân: Chị Ph T Th H và anh Tr T D kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do tự tìm hiểu có tổ chức đám cưới theo phong tục, năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VB, CT, AG. Sau khi cưới vợ chồng anh chị chung

sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị và anh D bất đồng quan điểm, vợ chồng ít quan tâm lẫn nhau nên anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa, gia đình không hạnh phúc, bên cạnh đó anh D thường có lời lẽ xúc phạm gia đình chị, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi, anh chị ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên gia đình có gặp nhau để nói chuyện nhưng đến nay anh D vẫn không thay đổi cách sống. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với anh D.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Phan Hoàng Khánh Đăng, sinh ngày 01/02/2017. Hiện nay cháu Đăng đang sống với chị H, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh D cấp Dưỡng nuôi con.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh D cấp dưỡng, nay chị rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng anh D không đến theo giấy triệu tập cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Tr T D có nơi cư trú tại xã VB CT AG. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Ngày 13/3/2019, Công an xã VB, huyện Châu Thành xác nhận anh Trần Thái D có đăng ký hộ khẩu tại ấp VL, xã VB, huyện CT, AG nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, nhưng những ngày lễ, giỗ có về. Anh D thay đổi nơi cư trú nhưng không trình báo cho chính quyền địa phương và cho chị H biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của anh D và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho anh D tại địa chỉ chị H cung cấp tại đơn khởi kiện là tổ 08, ấp VL, xã VB, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị H và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130/2015 ngày 23/12/2015 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị H và anh D được đoàn tụ, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H, điều đó chứng tỏ anh D không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị H.Tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết xin ly hôn. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của H

2.2 Về con chung: Anh chị có một con chung tên Phan Hoàng Khánh Đăng sinh ngày 01/02/2017, từ khi anh chị ly thân cháu Đăng sống với chị. Tại phiên tòa chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, cháu Đăng hiện tại dưới 36 tháng tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81của Luật Hôn nhân và gia đình chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đăng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị rút lại phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu được qui định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu.

2.4 Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph T Th H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thủy Hà được ly hôn cới anh TrTD

- Về nuôi con chung: Chị Ph T Th H được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Hoàng Khánh Đăng sinh ngày01/02/2017.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Ph T Th H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án

phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013978 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Chị Ph T Th H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2019). Anh Tr T D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Chung